

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ C
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 16 – 5 – 2025

V/v “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hà Trọng Tâm

Ông Võ Sĩ Hùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Đất, là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Ngày 16 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 69/2025/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2025 về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự.

- *Nguyên đơn:* Anh **Trần Thái Ng**, sinh năm: 1995.

(xin vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Khóm Z, phường E, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Chị **Nguyễn Hồng Th**, sinh năm: 1993.

(vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Khóm I, phường F, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Anh Trần Thái Nguyên trình bày và xác định yêu cầu như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Hồng Th chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn vào ngày 16/4/2019. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã dẫn đến gia đình không hạnh phúc. Anh và chị Th không còn sống chung từ năm 2022 cho đến nay. Hiện anh và chị Th không còn khả năng hàn gắn và sống chung. Anh Ng xin ly hôn chị Th.

- Về con chung: Anh và chị Nguyễn Hồng Th có 01 người con chung tên Trần Minh Kh, sinh ngày 02/3/2019, đang sống chung với chị Th. Anh Ng giao con chung cho chị Th tiếp tục nuôi dưỡng, không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

Đối với chị Nguyễn Hồng Th: Tòa án đã thông báo cho chị Th về việc thụ lý vụ án, thông báo cho chị Th đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận

công khai chứng cứ và hòa giải vụ án; nhiều lần triệu tập chị Th đến Tòa án để tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng chị Th vẫn vắng mặt; chị Th cũng không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của chị đối với yêu cầu khởi kiện của anh Trần Thái Ng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng dân sự: Quan hệ hôn nhân giữa anh Trần Thái Ng và chị Nguyễn Hồng Th có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Nay anh Ng xin ly hôn. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân. Chị Th cư trú tại thành phố C nên Tòa án nhân dân thành phố C thụ lý giải quyết. Chị Th đã được triệu tập đến Tòa án để tham gia phiên tòa xét xử vụ án đến lần thứ hai mà chị Th vẫn vắng mặt. Anh Ng yêu cầu Tòa án xét xử vụ án vắng mặt anh Ng. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Ng và chị Th theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy anh Trần Thái Ng và chị Nguyễn Hồng Th chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường E, thành phố C, tỉnh Cà Mau theo quy định pháp luật (Giấy chứng nhận kết hôn số 46/2029 ngày 16/4/2019) nên hôn nhân của anh Ng và chị Th được pháp luật công nhận. Anh Ng xác định thời gian anh và chị Th chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, hôn nhân không hạnh phúc nên anh và chị Th đã không còn sống chung từ năm 2022 cho đến nay. Không còn khả năng hàn gắn nên anh xin ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa anh Ng và chị Th xảy ra nhưng không ai có giải pháp hiệu quả để giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn mối quan hệ vợ chồng. Chị Th đã được thông báo đến Tòa án để tham gia hòa giải, được triệu tập đến Tòa án tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhiều lần nhưng chị Th vẫn vắng mặt; chị Th cũng không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến phản đối của chị đối với yêu cầu khởi kiện của anh Ng. Điều đó thể hiện chị Th không có ý thức hàn gắn quan hệ vợ chồng với anh Ng. Anh Ng và chị Th không còn chung sống. Do đó, dù có duy trì hôn nhân của anh Ng và chị Th về mặt pháp lý thì mục đích hôn nhân của anh, chị cũng không đạt được nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Trần Thái Ng.

[3] Về con chung: Anh Ng xác định anh và chị Th có 01 người con chung tên Trần Minh Kh, sinh ngày 02/3/2019, đang sống chung với chị Th. Anh Ng giao con chung cho chị Th tiếp tục nuôi dưỡng, không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con. Chị Th không có ý kiến và yêu cầu gì liên quan đến việc nuôi con, cấp dưỡng nuôi con. Do đó có căn cứ giao con chung của anh Ng và chị Th cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Th không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Anh Ng xác định không có. Chị Th không yêu cầu giải quyết về tài sản chung nên không xem xét.

[5] Về nợ chung: Anh Ng xác định không có. Không ai yêu cầu về nợ chung nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình: Anh Ng là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ các Điều 147, 227, 228, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1 - Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của anh Trần Thái Ng về việc xin ly hôn chị Nguyễn Hồng Th.

2 - Về con chung: Giao con chung của anh Ng và chị Th tên Trần Minh Kh, sinh ngày 02/3/2019 cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Ng có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3 - Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4 - Về nợ chung: Không ai yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

5 - Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Trần Thái Ng phải chịu 300.000 đồng. Ngày 10/02/2025, anh Ng đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C (biên lai số 0010268) được đối trừ, chuyển thu nộp ngân sách Nhà nước.

6 - Về quyền kháng cáo: Anh Trần Thái Ng, chị Nguyễn Hồng Th có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố C;
- Chi cục THADS thành phố C;
- UBND phường E, thành phố C, tỉnh Cà Mau.
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ; Văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Ngọc Hân